

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4534 /BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2016

V/v đẩy nhanh tiến độ trồng rừng thay
thế diện tích rừng chuyển sang mục
đích khác.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành các quy định, văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ngày 06/4/2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành văn bản số 2747/BNN-TCLN về việc đẩy nhanh tiến độ trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác. Tuy nhiên, đến nay, kết quả trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác đạt rất thấp, đặc biệt công tác giải ngân số tiền các dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng để trồng rừng thay thế rất chậm (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trồng rừng thay thế được giao ngay trong năm 2016 theo Nghị Quyết của Quốc hội. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương chỉ đạo triển khai trồng rừng thay thế ngay trong năm 2016, không để tồn Quỹ. Trường hợp không còn quỹ đất trồng rừng hoặc không có khả năng giải ngân, các địa phương tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để bố trí trồng rừng thay thế tại các địa phương khác trước ngày 31/7/2016.

Đề nghị đồng chí Chủ tịch UBND các tỉnh chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBKHCMNT của Quốc hội;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công Thương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở NN&PTNT các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCLN. (140)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

Phụ lục

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THU VÀ CHI TIỀN TRỒNG RỪNG THAY
THẾ ĐẾN 31/5/2016**

(Kèm theo văn bản số 4534 /BNN-TCLN ngày 03 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Đơn vị	Tổng số tiền đã thu (nghìn đồng)	Tổng số tiền đã chi (nghìn đồng)	Diện tích đã trồng (ha)	Số tiền còn lại chưa chi (nghìn đồng)	Khả năng TRTT (ha)
A	B	1	2	3	4=1-3	5
	Tổng cộng	624.008.753	206.449.114	11.795,31	417.559.639	10.335
I	Quỹ Trung ương	308.880	180.374	7,78	128.506	
II	Tây Bắc	119.692.675	42.402.060	1.839	77.290.615	1.789
1	Sơn La	38.496.451	14.020.000	333	24.476.451	652
2	Lai Châu	66.647.828	28.358.624	1.504	38.289.204	934
3	Điện Biên	13.753.676	-	-	13.753.676	180,09
4	Hòa Bình	794.720	23.436	2,17	771.284	22
III	Đông Bắc	34.128.681	4.717.210	243	29.411.471	1.084
5	Yên Bái	120.813		2,30	120.813	
6	Lào Cai	13.882.368	2.540.270	122,40	11.342.098	324
7	Tuyên Quang	597.072	-	-	597.072	21
8	Hà Giang	9.202.433	205.000	11,71	8.997.433	552
9	Cao Bằng				-	
10	Bắc Kạn	1.198.142	690.716	20,00	507.426	23
11	Thái Nguyên	6.680.781	681.224	30	5.999.557	160
12	Phú Thọ	2.447.072	600.000	56,7	1.847.072	4,1
13	Bắc Giang				-	
14	Quảng Ninh				-	
IV	Bắc Trung Bộ	79.345.202	27.449.373	5.690	51.895.829	854
15	Thanh Hóa	25.930.000	10.200.000	2.441,00	15.730.000	
16	Nghệ An	35.337.079	10.831.278	2.862,90	24.505.801	723
17	Hà Tĩnh	14.247.441	6.328.970	368,60	7.918.471	59
18	Quảng Bình	285.781			285.781	8,2
19	Quảng Trị	298.933	89.125	17,00	209.808	

Winked
1